TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14-10-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Xuân Miện
2. Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 709/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn T 2, xã H, huyện Y, tỉnh Yên Bái, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 28A Nguyễn Gia T, phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc D tự nguyện chung sống vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 17-8-2016 tại UBND phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không được như ý muốn. Mặc dù ông bà tự hòa giải để không làm ảnh hưởng đến các con nhưng không đạt kết quả dẫn đến tự sống ly thân từ ngày 18-

5-2016 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc D.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 24-9-2011, cháu Nguyễn Thanh X, sinh ngày 23-11-2015. Theo đơn khởi kiện ông T có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức T. Tuy nhiên bà D và gia đình cấm cản không cho ông gặp các con. Vì vậy ông T đồng ý giao hai con cho bà D trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc D:

Tòa án tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà D vẫn vắng mặt nên Tòa án không thu thập ý kiến trình bày của bà D. Theo xác nhận của Công an phường 12, thành phố V hiện nay bà D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 28A Nguyễn Gia T, phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn phải nộp toàn bộ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Ông T, bà D chung sống từ năm 2010, có đăng ký kết hôn được UBND phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125 ngày 15-7-2010. Quá trình chung sống giữa hai ông bà không hạnh phúc do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, hôn nhân không được như ý muốn dẫn đến vợ chồng tự sống ly thân từ ngày 18-5-2016. Kết quả xác minh tại địa phương xác định vợ chồng ông T, bà D đã sống ly thân. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà D đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy yêu cầu ly hôn của ông T là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 24-9-2011, cháu Nguyễn Thanh X, sinh ngày 23-11-2015. Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức T. Tuy nhiên do bà D vắng mặt nên Tòa án không thực hiện được việc ghi lời khai của bà D và cháu T, theo kết quả xác minh hiện hai con đang sống cùng bà D và được chăm sóc tốt. Xét việc ông T giao hai con cho bà D trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T không cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên công nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí : Do ông T là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà D không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự;

Xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc D về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc D.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 24-9-2011, cháu Nguyễn Thanh X, sinh ngày 23-11-2015. Bà Trần Thị Ngọc D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0000060 ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Như vậy, ông Nguyễn Văn T đã nộp xong án phí. Bà Trần Thị Ngọc D không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Ngọc D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THA Dân sự TP Vũng Tàu;
- UBND phường 12, thành phố V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Yến Oanh